

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-32

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Thành viên
Ông Đinh Vũ Minh Việt	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Đinh Vũ Minh Việt	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

##### Ban Kiểm Soát

Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Trưởng ban
Ông Chu Văn Vượng	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Thủy	Thành viên

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Đình Vũ Minh Việt**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024*





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP - CHI NHÁNH HÀ NỘI  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY - HANOI BRANCH

Số: 2609/2023/BCKT.TC-TTPHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 27/02/2017, tuy nhiên Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu thực tế sau khi quyết toán chi phí cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần trong Báo cáo tài chính năm 2022.

**Công ty TNHH Kiểm toán TTP - Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Mạnh Chiến**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3777-2021-133-1

*Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2024*

**Tạ Huy Đăng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0566-2023-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>98.400.111.041</b>	<b>83.673.144.892</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.674.738.074</b>	<b>1.708.909.300</b>
1. Tiền	111		4.674.738.074	1.708.909.300
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.517.543.407</b>	<b>16.902.329.515</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.456.012.954	20.879.021.441
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.720.727.482	3.994.633.764
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	476.385.089	164.256.428
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(8.135.582.118)	(8.135.582.118)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>67.388.012.833</b>	<b>61.486.038.407</b>
1. Hàng tồn kho	141		67.388.012.833	61.486.038.407
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.319.816.727</b>	<b>3.575.867.670</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	512.829.697	481.723.590
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.027.886.002	2.315.043.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	779.101.028	779.101.028
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>184.335.844.207</b>	<b>176.849.093.874</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55.687.870.373</b>	<b>51.069.646.703</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	55.687.870.373	51.069.646.703
- Nguyên giá	222		100.451.982.319	98.864.554.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.764.111.946)	(47.794.907.806)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		52.000.000	52.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.000.000)	(52.000.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>5.897.417.563</b>	<b>5.897.417.563</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.897.417.563	5.897.417.563
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>117.025.553.713</b>	<b>117.025.553.713</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		117.025.553.713	117.025.553.713
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.725.002.558</b>	<b>2.856.475.895</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	5.725.002.558	2.856.475.895
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>282.735.955.248</b>	<b>260.522.238.766</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>70.042.548.832</b>	<b>50.457.590.817</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.838.148.832</b>	<b>49.639.990.817</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	5.793.758.239	3.998.364.136
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.904.291.992	423.904.324
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	115.396.637	2.688.183.787
4. Phải trả người lao động	314		1.278.652.847	1.526.254.721
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	368.491.000	400.383.636
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	133.584.362	3.403.760.220
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	54.201.406.148	29.971.385.944
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.042.567.607	7.227.754.049
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>204.400.000</b>	<b>817.600.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	204.400.000	817.600.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>212.693.406.416</b>	<b>210.064.647.949</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>212.693.406.416</b>	<b>210.064.647.949</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237.000.000.000	237.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.000.000.000	237.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.592.767	7.592.767
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.314.186.351)	(26.942.944.818)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(26.942.944.818)	(40.661.036.703)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.628.758.467	13.718.091.885
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>282.735.955.248</b>	<b>260.522.238.766</b>

Trần Thành Trung  
Người lập

Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	176.598.849.397	142.177.183.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	28.309.629	166.645.876
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		176.570.539.768	142.010.537.730
4. Giá vốn hàng bán	11	24	147.803.309.064	116.134.789.307
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.767.230.704	25.875.748.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	314.208.724	7.704.389.329
7. Chi phí tài chính	22	26	3.373.772.773	(232.524.010)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.357.854.773	4.655.559.244
8. Chi phí bán hàng	25	27	12.443.115.562	8.804.171.979
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	9.953.723.173	11.843.687.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		3.310.827.920	13.164.802.321
11. Thu nhập khác	31	29	81.784.400	1.054.588.750
12. Chi phí khác	32	30	763.853.853	501.299.186
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(682.069.453)	553.289.564
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.628.758.467	13.718.091.885
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.628.758.467	13.718.091.885
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	111	579

  
Trần Thành Trung  
Người lập  
Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng  
  
Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.628.758.467	13.718.091.885
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.823.852.653	3.202.247.329
- Các khoản dự phòng	03		-	(4.963.083.254)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(322.482.998)	(7.714.389.329)
- Chi phí lãi vay	06		3.357.854.773	4.655.559.244
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.487.982.895	8.898.425.875
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.701.943.158	(13.497.552.690)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.901.974.426)	18.409.150.489
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.846.675.747)	(2.277.947.402)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.899.632.770)	(1.186.538.605)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.357.854.773)	(8.475.950.007)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.215.186.442)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.031.398.105)</b>	<b>1.869.587.660</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.456.797.193)	(7.501.963.318)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		23.800.000	11.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	26.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi thanh lý các khoản đầu tư	27		313.403.868	7.704.389.329
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.619.593.325)</b>	<b>26.313.426.011</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		114.922.971.312	58.335.650.624
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(91.306.151.108)	(86.155.495.036)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>23.616.820.204</b>	<b>(27.819.844.412)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		2.965.828.774	363.169.259
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.708.909.300	1.345.740.041
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>4.674.738.074</u>	<u>1.708.909.300</u>



Trần Thành Trung  
Người lập

Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng

Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 12 năm 2018, Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 237.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 237.000.000.000 đồng; tương đương 23.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất xe đạp;
- Sản xuất xe có động cơ; sản xuất thân xe có động cơ; rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ; Sản xuất ô tô, xe máy.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

### 2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	916.771.401	1.368.329.657
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.757.966.673	340.579.643
	<b>4.674.738.074</b>	<b>1.708.909.300</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN**

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-
	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>	-	-

Tại ngày 31/12/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng có tổng giá trị là 6.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội với lãi suất 7,2%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	117.025.553.713	-	-	117.025.553.713
Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt	117.025.553.713	-	-	117.025.553.713
	<b>117.025.553.713</b>	-	-	<b>117.025.553.713</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh bất động sản



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam (*)	6.178.649.575	6.178.649.575
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.277.363.379	14.700.371.866
	<u><b>20.456.012.954</b></u>	<u><b>20.879.021.441</b></u>

(\*) Đây là khoản nợ mà Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam có trách nhiệm phải trả cho Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội theo phán quyết của Toà án Nhân dân Quận Đống Đa tại Quyết định số 23/2013/QĐST-KDTM ngày 06/09/2013 với số tiền là 41.573.068.280 đồng. Ngày 06/06/2018, các bên gồm: Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội, Công ty Cổ phần Viha Thống Nhất và Công ty Cổ phần Sản xuất dịch vụ và Thương mại Thiên Lam đã ký biên bản thỏa thuận về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với các khoản công nợ (tính đến thời điểm ngày 28/02/2018). Theo đó, Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội chuyển giao cho Công ty Cổ phần Viha Thống Nhất quyền yêu cầu Công ty Cổ phần Sản xuất dịch vụ và Thương mại Thiên Lam thanh toán số tiền là 35.394.418.705 đồng. Từ thời điểm biên bản thỏa thuận có hiệu lực, Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội còn phải thu Công ty Cổ phần Sản xuất dịch vụ và Thương mại Thiên Lam số tiền là 6.178.649.575 đồng.

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ 1960	1.180.603.106	-	1.960.334.376	-
Công ty TNHH Hải Long Việt Nam	104.396.040	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	435.728.336	-	2.034.299.388	-
	<u><b>1.720.727.482</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>3.994.633.764</b></u>	<u><b>-</b></u>

**9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Cho vay cán bộ, công nhân viên	3.000.000.000	-
	<u><b>3.000.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

Tại ngày 31/12/2023, cho vay ngắn hạn là các khoản tiền cho vay kỳ hạn 12 tháng có tổng giá trị là 3.000.000.000 VND với lãi suất 7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**10 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về BHXH	4.794.802	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	28.423.627	-	-	-
Phải thu về BHTN	376.063	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu khác	392.790.597	-	144.256.428	-
	<b>476.385.089</b>	<b>-</b>	<b>164.256.428</b>	<b>-</b>

**11 . NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam	6.178.649.575	-	6.178.649.575	-
Đối tượng khác	1.956.932.543	-	1.956.932.543	-
	<b>8.135.582.118</b>	<b>-</b>	<b>8.135.582.118</b>	<b>-</b>

**12 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.012.299.856	-	42.057.170.920	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.022.269.256	-	7.148.154.147	-
Thành phẩm	11.554.431.242	-	9.704.259.443	-
Hàng hoá	8.799.012.479	-	2.576.453.897	-
	<b>67.388.012.833</b>	<b>-</b>	<b>61.486.038.407</b>	<b>-</b>

**13 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>5.217.417.563</b>	<b>5.217.417.563</b>
Xây dựng tòa nhà văn phòng tại số 10B Tràng Thi	5.217.417.563	5.217.417.563
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
Chương trình phần mềm	680.000.000	680.000.000
	<b>5.897.417.563</b>	<b>5.897.417.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

**14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		TSCĐ hình thành từ quỹ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2023	53.266.618.766	37.446.008.695	5.246.567.749	2.846.058.299	59.301.000	98.864.554.509						
Mua sắm	1.043.973.340	6.549.823.853	863.000.000	-	-	8.456.797.193						
Thanh lý, nhượng bán	(156.902.727)	(6.712.466.656)	-	-	-	(6.869.369.383)						
Tại ngày 31/12/2023	54.153.689.379	37.283.365.892	6.109.567.749	2.846.058.299	59.301.000	100.451.982.319						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2023	17.728.919.573	27.605.793.003	1.313.439.936	1.087.454.294	59.301.000	47.794.907.806						
Trích khấu hao	1.316.992.032	1.627.230.027	603.673.122	275.957.472	-	3.823.852.653						
Thanh lý, nhượng bán	(142.181.857)	(6.712.466.656)	-	-	-	(6.854.648.513)						
Tại ngày 31/12/2023	18.903.729.748	22.520.556.374	1.917.113.058	1.363.411.766	59.301.000	44.764.111.946						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2023	35.537.699.193	9.840.215.692	3.933.127.813	1.758.604.005	-	51.069.646.703						
Tại ngày 31/12/2023	35.249.959.631	14.762.809.518	4.192.454.691	1.482.646.533	-	55.687.870.373						
Trong đó:												

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 26.820.817.006 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.893.116.751 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	262.529.040	244.749.072
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.300.657	236.974.518
	<b>512.829.697</b>	<b>481.723.590</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí quảng cáo, truyền thông, phân tích thị trường	2.232.994.701	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.099.346.089	573.777.260
Giá trị thương hiệu	617.232.694	771.540.862
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	1.411.724.904	1.047.275.731
Chi phí trả trước dài hạn khác	363.704.170	463.882.042
	<b>5.725.002.558</b>	<b>2.856.475.895</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Hợp tác xã Vĩnh Thuận	-	-	174.258.000	174.258.000
Công ty TNHH Đại Phong Kiệt	1.207.045.631	1.207.045.631	-	-
Công ty TNHH Nielseniq Việt Nam	876.549.600	876.549.600	-	-
Công ty Cao su Kenda (Việt Nam)	-	-	638.625.600	638.625.600
Công ty TNHH DHP Việt Nam	977.090.017	977.090.017	213.736.400	213.736.400
Công ty CP Dịch vụ và Giải pháp Công nghiệp Việt Nam	-	-	498.575.000	498.575.000
Phải trả khác	2.733.072.991	2.733.072.991	2.473.169.136	2.473.169.136
	<b>5.793.758.239</b>	<b>5.793.758.239</b>	<b>3.998.364.136</b>	<b>3.998.364.136</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	779.101.028		2.489.848.941		283.033.038		2.772.881.979		779.101.028		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		314.576.223		314.576.223		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		32.743.913		-		-		-		32.743.913	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		37.502.582		41.239.792		46.089.650		-		32.652.724	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		2.634.253.620		2.634.253.620		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		122.255.000		72.255.000		-		50.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		128.088.351		7.580.000		135.668.351		-		-	
	<b>779.101.028</b>		<b>2.688.183.787</b>		<b>3.402.937.673</b>		<b>5.975.724.823</b>		<b>779.101.028</b>		<b>115.396.637</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	368.491.000	400.383.636
	<u><b>368.491.000</b></u>	<u><b>400.383.636</b></u>

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hoá (*)	-	3.270.175.858
Các khoản phải trả, phải nộp khác	133.584.362	133.584.362
	<u><b>133.584.362</b></u>	<u><b>3.403.760.220</b></u>

(\*) Số phải trả về cổ phần hóa, sau khi có Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 v/v Quyết toán chi phí cổ phần hóa, tiền thu từ cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty TNHH MTV Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI**  
Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) <b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	29.971.385.944	29.971.385.944	75.790.088.186	70.783.022.824	34.978.451.306	34.978.451.306
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	39.132.883.126	20.216.528.284	18.916.354.842	18.916.354.842
Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	306.600.000	-	306.600.000	306.600.000
	<b>29.971.385.944</b>	<b>29.971.385.944</b>	<b>115.229.571.312</b>	<b>90.999.551.108</b>	<b>54.201.406.148</b>	<b>54.201.406.148</b>
b) <b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	817.600.000	817.600.000	-	306.600.000	511.000.000	511.000.000
	<b>817.600.000</b>	<b>817.600.000</b>	<b>-</b>	<b>306.600.000</b>	<b>511.000.000</b>	<b>511.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	306.600.000	-	306.600.000	306.600.000
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>817.600.000</b>	<b>817.600.000</b>	<b>(306.600.000)</b>	<b>306.600.000</b>	<b>204.400.000</b>	<b>204.400.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các cá nhân khác của Công ty như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
VND	Theo Giấy nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản	34.978.451.306 VND	29.971.385.944 VND
VND	Theo Giấy nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản	18.916.354.842 VND	- VND
			<b>53.894.806.148</b>	<b>29.971.385.944</b>

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam  
Ngân hàng TMCP Quân Đội

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2023	01/01/2023
VND	12,00%	2025	Thế chấp bằng tài sản	511.000.000 VND	817.600.000 VND
				<b>511.000.000</b>	<b>817.600.000</b>
				306.600.000	-
				<b>204.400.000</b>	<b>817.600.000</b>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2022</b>				
Tại ngày 01/01/2022	237.000.000.000	7.590.136	(40.661.036.703)	196.346.553.433
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	13.718.091.885	13.718.091.885
Tăng khác		2.631	-	2.631
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>237.000.000.000</b>	<b>7.592.767</b>	<b>(26.942.944.818)</b>	<b>210.064.647.949</b>
<b>Năm 2023</b>				
Tại ngày 01/01/2023	237.000.000.000	7.592.767	(26.942.944.818)	210.064.647.949
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	2.628.758.467	2.628.758.467
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>237.000.000.000</b>	<b>7.592.767</b>	<b>(24.314.186.351)</b>	<b>212.693.406.416</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
UBND Thành phố Hà Nội	45,00%	106.650.000.000	45,00%	106.650.000.000
Công ty TNHH Đại Hoàng Long	41,68%	98.792.250.000	41,68%	98.792.250.000
Cổ đông khác	13,32%	31.557.750.000	13,32%	31.557.750.000
	<b>100%</b>	<b>237.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>237.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	237.000.000.000	237.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	237.000.000.000	237.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	237.000.000.000	237.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.700.000	23.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.700.000	23.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.700.000	23.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.700.000	23.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.700.000	23.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	175.336.167.708	142.063.257.678
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.262.681.689	113.925.928
	<b>176.598.849.397</b>	<b>142.177.183.606</b>

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	15.555.556	-
Hàng bán bị trả lại	12.754.073	166.645.876
	<b>28.309.629</b>	<b>166.645.876</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	147.803.309.064	116.134.789.307
	<b>147.803.309.064</b>	<b>116.134.789.307</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	313.403.868	2.208.586
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	598.500	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	7.702.180.743
Doanh thu hoạt động tài chính khác	206.356	-
	<b>314.208.724</b>	<b>7.704.389.329</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.357.854.773	4.655.559.244
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.650.000	-
Hoàn nhập phòng tổn thất đầu tư	-	(4.963.083.254)
Chi phí tài chính khác	5.268.000	75.000.000
	<b>3.373.772.773</b>	<b>(232.524.010)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí công cụ, đồ dùng	232.916.926	6.809.818
Chi phí nhân công	2.121.964.372	2.447.965.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	429.583.212	375.913.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.153.716.919	5.922.610.213
Chi phí khác bằng tiền	504.934.133	50.872.497
	<b>12.443.115.562</b>	<b>8.804.171.979</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	948.391.286	317.735.800
Chi phí nhân công	6.207.780.090	7.598.636.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	510.497.196	340.215.345
Thuế, phí, lệ phí	7.500.000	41.101.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.971.742.838	2.849.219.001
Chi phí khác bằng tiền	307.811.763	696.778.997
	<b>9.953.723.173</b>	<b>11.843.687.462</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	9.079.130	10.000.000
Thu nhập khác	72.705.270	1.044.588.750
	<b>81.784.400</b>	<b>1.054.588.750</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí phạt thuế, chậm nộp	755.965.439	374.430.756
Chi phí khác	7.888.414	126.868.430
	<b>763.853.853</b>	<b>501.299.186</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.628.758.467	13.718.091.885
Các khoản điều chỉnh tăng	763.933.222	621.240.926
- Chi phí không hợp lệ	763.933.222	621.240.926
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.392.691.689)	(14.339.332.811)
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.392.691.689)	(13.988.001.166)
- Chi phí đã trích năm trước nhưng không hợp lý	-	(351.331.645)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	123.556.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	32.743.913	(90.812.087)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>32.743.913</b>	<b>32.743.913</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2.628.758.467	13.718.091.885
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.628.758.467	13.718.091.885
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	23.700.000	23.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>111</b>	<b>579</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.674.738.074	-	1.708.909.300	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.932.398.043	(8.135.582.118)	21.043.277.869	(8.135.582.118)
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	6.500.000.000	-	-	-
	<b>35.107.136.117</b>	<b>(8.135.582.118)</b>	<b>22.752.187.169</b>	<b>(8.135.582.118)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	54.405.806.148	30.788.985.944
Phải trả người bán, phải trả khác	5.927.342.601	7.402.124.356
Chi phí phải trả	368.491.000	400.383.636
	<b>60.701.639.749</b>	<b>38.591.493.936</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.674.738.074	-	-	4.674.738.074
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.796.815.925	-	-	12.796.815.925
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	6.500.000.000	-	-	6.500.000.000
	<b>26.971.553.999</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.971.553.999</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.708.909.300	-	-	1.708.909.300
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.907.695.751	-	-	12.907.695.751
	<b>14.616.605.051</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.616.605.051</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Vay và nợ	54.201.406.148	204.400.000	-	54.405.806.148
Phải trả người bán, phải trả khác	5.927.342.601	-	-	5.927.342.601
Chi phí phải trả	368.491.000	-	-	368.491.000
	<b>60.497.239.749</b>	<b>204.400.000</b>	<b>-</b>	<b>60.701.639.749</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	29.971.385.944	817.600.000	-	30.788.985.944
Phải trả người bán, phải trả khác	7.402.124.356	-	-	7.402.124.356
Chi phí phải trả	400.383.636	-	-	400.383.636
	<b>37.773.893.936</b>	<b>817.600.000</b>	<b>-</b>	<b>38.591.493.936</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Trần Thành Trung  
Người lập



Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



Đình Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024